

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

THỰC TRẠNG KHẢ NĂNG NGHE HIỂU TIẾNG VIỆT CỦA HỌC VIÊN LÀO - CAMPUCHIA TẠI HỌC VIỆN QUÂN Y: NGHIÊN CỨU KHẢO SÁT

NGÔ THỊ TUYẾT* - LÊ VIÊN LAN HƯƠNG**

TÓM TẮT: Nghiên cứu khảo sát 64 học viên (HV) Lào - Campuchia thuộc các khóa dài hạn y (DHY) 58 và DHY 59 tại Học viện Quân y nhằm mô tả thực trạng khả năng nghe hiểu tiếng Việt của HV. Kết quả cho thấy khả năng nghe hiểu chịu ảnh hưởng đồng thời của yếu tố người học, đặc điểm đầu vào nghe và bối cảnh đào tạo quân y. Khó khăn gia tăng rõ rệt khi HV tiếp nhận nội dung chuyên môn và tham gia giao tiếp thực tế. Hạn chế về chiến lược nghe và năng lực siêu nhận thức khiến nhiều HV chưa có khả năng tự theo dõi và điều chỉnh quá trình nghe. Bên cạnh đó, HV bày tỏ nhu cầu được hỗ trợ học liệu nghe phân mức, nội dung chuyên ngành và hướng dẫn chiến lược nghe phù hợp.

TỪ KHÓA: Khả năng nghe hiểu tiếng Việt; học viên Lào - Campuchia; Học viện Quân y; tiếng Việt như một ngoại ngữ; nghiên cứu khảo sát.

NHẬN BÀI: 18/04/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 15/07/2026

1. Đặt vấn đề

Trong dạy và học ngoại ngữ, nghe hiểu được xem là kỹ năng nền tảng, đóng vai trò đầu vào quyết định đối với sự phát triển các kỹ năng khác của ngôn ngữ. Thông qua hoạt động nghe, người học tiếp nhận dữ liệu ngôn ngữ, hình thành nhận thức về ngữ âm, từ vựng và cấu trúc, từ đó từng bước phát triển năng lực giao tiếp. Khả năng nghe hiểu tốt giúp người học tiếp cận nội dung bài giảng, nắm bắt thông tin học thuật và tham gia hiệu quả vào các hoạt động giao tiếp trong học tập và đời sống.

Đối với người học tiếng Việt như một ngoại ngữ, kỹ năng nghe hiểu đặt ra nhiều thách thức do đặc trưng của tiếng Việt là ngôn ngữ đơn tiết, giàu thanh điệu và có hệ thống ngữ âm, ngữ điệu phức tạp. Với học viên Lào - Campuchia, sự khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Lào, tiếng Khmer về thanh điệu, nhịp điệu lời nói và cách tổ chức diễn ngôn khiến việc nghe hiểu tiếng Việt trở nên khó khăn hơn. Những trở ngại thường gặp bao gồm hạn chế trong nhận diện thanh điệu, không theo kịp tốc độ nói tự nhiên, khó xử lý hiện tượng đồng âm và nắm bắt ý chính trong các bài nghe mang tính học thuật hoặc chuyên môn.

Trong bối cảnh đào tạo tại Học viện Quân y, kỹ năng nghe hiểu tiếng Việt không chỉ phục vụ mục tiêu ngôn ngữ mà còn giữ vai trò thiết yếu trong việc tiếp nhận kiến thức y khoa và tham gia giao tiếp học thuật. Tuy nhiên, đây cũng là kỹ năng gây nhiều khó khăn đối với học viên Lào - Campuchia do sự khác biệt ngôn ngữ - văn hóa, nền tảng tiếng Việt chưa đồng đều và yêu cầu cao về độ chính xác trong môi trường đào tạo quân y.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện dưới hình thức khảo sát nhằm mô tả thực trạng khả năng nghe hiểu tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia tại Học viện Quân y, đồng thời phân tích những khó khăn và các yếu tố ảnh hưởng, qua đó làm rõ nhu cầu hỗ trợ của người học trong bối cảnh đào tạo quân y đặc thù.

*Học viện Quân y Việt Nam; Email: tuyetk84@gmail.com

**TS; Học viện Quân y Việt Nam; Email: levienlanhuongk84@gmail.com

2. Một số vấn đề chung

2.1. Lịch sử vấn đề

Kĩ năng nghe hiểu từ lâu đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong lĩnh vực tiếp thu ngôn ngữ thứ hai và giảng dạy ngoại ngữ. Các công trình tiếp cận nghe hiểu từ nhiều góc độ khác nhau như cơ chế nhận thức, chiến lược xử lý thông tin, các yếu tố ảnh hưởng và giải pháp sư phạm nhằm nâng cao hiệu quả dạy - học. Mặc dù khác nhau về hướng tiếp cận và đối tượng nghiên cứu, phần lớn các tác giả đều thống nhất rằng nghe hiểu là một kĩ năng nhận thức phức tạp, mang tính giải quyết vấn đề, trong đó người học phải liên tục suy luận, hình thành giả thuyết và điều chỉnh chiến lược dựa trên kiến thức ngôn ngữ và bối cảnh giao tiếp. Do đó, nghe hiểu được xem là nền tảng quan trọng trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ và phát triển các kĩ năng khác.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về nghe hiểu trong những năm gần đây tập trung chủ yếu vào hai hướng: nghe hiểu tiếng Anh và nghe hiểu tiếng Việt như một ngoại ngữ. Ở lĩnh vực tiếng Anh, nhiều công trình chỉ ra rằng năng lực nghe hiểu chịu tác động đồng thời của các yếu tố cá nhân và môi trường học tập, đồng thời nhấn mạnh vai trò của chiến lược nghe và điều kiện tổ chức dạy - học trong việc nâng cao hiệu quả nghe hiểu (Đinh Khắc Định & Trương Thị Thanh Hoài, 2022; Đào Văn Yên và cộng sự, 2024; Phương Thị Hệ & Nguyễn Văn Tuấn, 2025).

Bên cạnh đó, nghiên cứu về nghe hiểu tiếng Việt cho người nước ngoài cũng từng bước được quan tâm. Các công trình tiêu biểu tập trung vào việc nhận diện khó khăn nghe hiểu, phân tích đặc điểm ngữ âm, ngữ điệu tiếng Việt và đề xuất phương pháp giảng dạy, học liệu phù hợp cho học viên quốc tế (Nguyễn Thanh Thủy, 2017; Nguyễn Hoàng Phương & Trần Trọng Nghĩa, 2022; Huỳnh Mong Nghi và cộng sự, 2023). Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu khảo sát người học trong môi trường đào tạo dân sự, với bối cảnh học tập và yêu cầu sử dụng ngôn ngữ tương đối linh hoạt.

Đối với học viên Lào - Campuchia trong môi trường đào tạo quân y, các nghiên cứu chuyên biệt về kĩ năng nghe hiểu tiếng Việt còn khiêm tốn. Đây là nhóm người học có những đặc thù rõ rệt về kỷ luật học tập, tổ chức lớp học và yêu cầu sử dụng tiếng Việt cho mục đích học thuật và chuyên môn, song chưa được khảo sát một cách hệ thống dưới góc độ kĩ năng nghe hiểu. Đồng thời, việc vận dụng các khung lí thuyết nghe hiểu quốc tế vào nghiên cứu thực tiễn dạy và học tiếng Việt cho nhóm đối tượng này vẫn chưa được khai thác đầy đủ.

Xuất phát từ khoảng trống đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng khả năng nghe hiểu tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia tại Học viện Quân y, đồng thời phân tích các yếu tố ảnh hưởng từ góc nhìn của người học, qua đó bổ sung dữ liệu thực tiễn và góp phần làm rõ vấn đề dạy - học kĩ năng nghe hiểu tiếng Việt trong bối cảnh đào tạo quân y đặc thù.

2.2. Cơ sở lí thuyết

Nghe hiểu được xem là một kĩ năng tiếp nhận mang tính phức hợp trong quá trình học và sử dụng ngôn ngữ thứ hai. Trong ngôn ngữ học ứng dụng, nghe hiểu không chỉ là việc nhận diện và giải mã tín hiệu âm thanh, mà là quá trình kiến tạo nghĩa từ ngôn ngữ nói, trong đó người nghe đồng thời huy động các cơ chế xử lý ngôn ngữ, kiến thức nền và năng lực tự điều chỉnh để hiểu và diễn giải thông điệp. Quá trình này diễn ra mang tính tương tác, phi tuyến tính và chịu sự chi phối của nhiều yếu tố khác nhau.

Do tính chất đa chiều của kĩ năng nghe hiểu, nhiều khung lí thuyết đã được đề xuất nhằm lí giải cơ chế và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình nghe. Trong nghiên cứu này, ba khung lí thuyết được vận dụng làm cơ sở phân tích.

Thứ nhất, mô hình xử lý nghe kết hợp từ dưới lên và từ trên xuống của Field (2008) nhấn mạnh sự tương tác giữa xử lý tín hiệu ngôn ngữ và suy luận dựa trên kiến thức nền, qua đó lí giải những khó khăn của người học khi không theo kịp tốc độ nói hoặc thiếu cơ sở để suy đoán ý nghĩa trong các bài nghe học thuật và chuyên môn.

Thứ hai, khung các yếu tố ảnh hưởng đến nghe hiểu do Rubin (1994) và Yagang (1994) đề xuất chỉ ra vai trò của ba nhóm yếu tố chính: yếu tố thuộc người học, đặc điểm của đầu vào nghe và yếu tố

bối cảnh thực hiện nhiệm vụ. Khung này giúp phân tích một cách hệ thống các khó khăn nghe hiểu trong môi trường đào tạo quân y, nơi tải nhận thức và yêu cầu độ chính xác cao.

Thứ ba, khung chiến lược nghe và siêu nhận thức của Vandergrift và Goh (2012) làm rõ vai trò của lập kế hoạch, giám sát và đánh giá trong quá trình nghe, nhấn mạnh rằng hiệu quả nghe hiểu gắn liền với năng lực tự điều chỉnh và sử dụng chiến lược của người học.

Trên cơ sở tích hợp các khung lí thuyết trên, nghiên cứu tiếp cận khả năng nghe hiểu tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia như một hiện tượng chịu tác động đồng thời của cơ chế xử lí ngôn ngữ, các yếu tố người học, đầu vào, bối cảnh và năng lực siêu nhận thức. Các khung lí thuyết này định hướng cho việc xây dựng công cụ khảo sát, thiết kế câu hỏi phỏng vấn, mã hóa dữ liệu và diễn giải kết quả nghiên cứu.

2.3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của bài báo là khả năng nghe hiểu tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia đang học tập tại Học viện Quân y. Khả năng nghe hiểu được xem xét trong hai bối cảnh chính: (1) quá trình học tiếng Việt như một ngoại ngữ trong các lớp tiếng Việt; (2) quá trình nghe hiểu bài giảng chuyên môn và tham gia giao tiếp học tập bằng tiếng Việt trong môi trường đào tạo quân y. Trên cơ sở đó, nghiên cứu tập trung mô tả mức độ nghe hiểu, những khó khăn thường gặp, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình nghe, cũng như nhu cầu hỗ trợ và cải thiện năng lực tiếp nhận ngôn ngữ của người học.

Mẫu khảo sát gồm 64 học viên Lào - Campuchia đang theo học các khóa DHY58 và DHY59 tại Học viện Quân y. Đây là toàn bộ học viên Lào - Campuchia của hai khóa tại thời điểm khảo sát, được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện có chủ đích, nhằm phản ánh tương đối đầy đủ thực trạng khả năng nghe hiểu tiếng Việt của người học trong bối cảnh đào tạo quân y dài hạn, nơi tiếng Việt được sử dụng đồng thời cho mục đích học ngôn ngữ và tiếp nhận kiến thức chuyên ngành.

2.3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo thiết kế mô tả cắt ngang, nhằm khảo sát thực trạng khả năng nghe hiểu tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia tại một thời điểm nhất định. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp được sử dụng, kết hợp giữa dữ liệu định lượng và định tính. Hai loại dữ liệu được thu thập trong cùng một giai đoạn, phân tích độc lập và sau đó đối chiếu, bổ trợ lẫn nhau nhằm tăng độ tin cậy và chiều sâu diễn giải của kết quả nghiên cứu.

Công cụ thu thập dữ liệu định lượng là bảng hỏi được thiết kế dựa trên các khung lí thuyết về nghe hiểu của Field (2008), Rubin (1994), Yagang (1994) và Vandergrift & Goh (2012), đồng thời được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh dạy, học tại Học viện Quân y. Bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức, từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý”, nhằm thu thập ý kiến của học viên về mức độ nghe hiểu, khó khăn gặp phải, các yếu tố ảnh hưởng và nhu cầu hỗ trợ.

Bên cạnh đó, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc với 10 học viên, được lựa chọn theo phương pháp phân tầng có chủ đích nhằm bảo đảm tính đại diện về quốc tịch, năm học và mức độ tự đánh giá năng lực nghe hiểu. Dữ liệu phỏng vấn được ghi âm, chép lại và phân tích theo chủ đề để làm rõ hơn các kết quả khảo sát định lượng.

Dữ liệu thu thập được xử lí chủ yếu bằng thống kê mô tả bao gồm tần suất, tỉ lệ phần trăm và so sánh. Dữ liệu định lượng giúp nhận diện xu hướng chung và mức độ phổ biến của các hiện tượng, trong khi dữ liệu định tính cung cấp thông tin sâu về nguyên nhân và bối cảnh. Việc kết hợp hai nguồn dữ liệu cho phép kiểm chứng chéo, qua đó nâng cao tính khách quan, độ tin cậy và giá trị ứng dụng của kết quả nghiên cứu.

Về đạo đức nghiên cứu, việc tham gia khảo sát và phỏng vấn được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, người tham gia được thông báo rõ mục đích nghiên cứu và bảo đảm ẩn danh thông tin cá nhân. Dữ liệu thu thập chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả định lượng

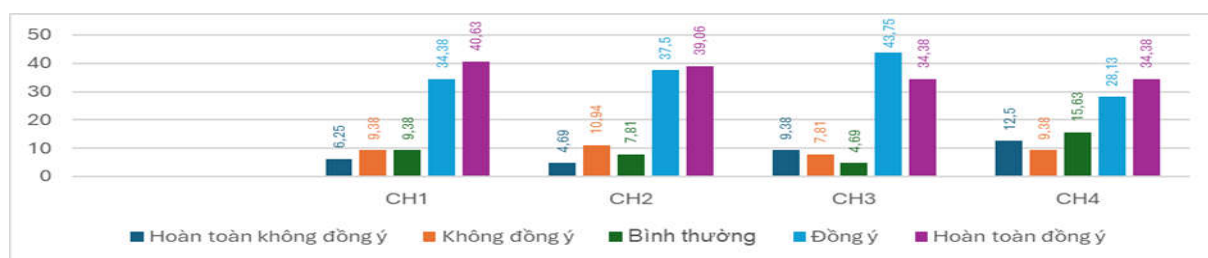
Kết quả khảo sát định lượng phản ánh thực trạng khả năng nghe hiểu tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia tại Học viện Quân y thông qua bốn nhóm nội dung chính: (i) khả năng nghe hiểu trong lớp học tiếng Việt; (ii) khả năng nghe hiểu trong quá trình học các môn chuyên môn và giao tiếp hằng ngày; (iii) chiến lược và thói quen nghe của học viên; (iv) nhu cầu, mong muốn hỗ trợ nhằm cải thiện khả năng nghe hiểu. Các kết quả được trình bày dưới dạng bảng số liệu và biểu đồ nhằm làm rõ mức độ đồng thuận và xu hướng chung của người học.

3.1.1. Thực trạng khả năng nghe hiểu của học viên trong lớp học tiếng Việt

Khả năng nghe hiểu trong lớp học tiếng Việt được xem là nền tảng đối với quá trình tiếp nhận và phát triển năng lực tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia. Nội dung khảo sát tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động nghe, bao gồm sự khác biệt về ngữ âm giữa tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt, thời lượng học nghe trong chương trình, vốn từ và kiến thức nền, cũng như khả năng duy trì sự tập trung khi nghe. Kết quả khảo sát được thể hiện trong Bảng 1 và Biểu đồ 1.

Bảng 1. Thực trạng khả năng nghe hiểu của HV trong lớp học TV (n=64)

Nội dung câu hỏi	Ý kiến của HV					Tổng HV (%)
	Hoàn toàn không đồng ý HV (%)	Không đồng ý HV (%)	Bình thường HV (%)	Đồng ý HV (%)	Hoàn toàn đồng ý HV (%)	
1. Sự khác biệt về ngữ âm giữa tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt khiến tôi khó theo kịp nội dung bài nghe.	4 6,25	6 9,38	6 9,38	22 34,38	26 40,63	64 100
2. Thời lượng học nghe trong chương trình chưa đủ để tôi cải thiện khả năng nghe hiểu.	3 4,69	7 10,94	5 7,81	24 37,5	25 39,06	64 100
3. Tôi khó hiểu bài nghe vì thiếu từ vựng và thiếu kiến thức nền liên quan đến chủ đề bài nghe.	6 9,38	5 7,81	3 4,69	28 43,75	22 34,38	64 100
4. Tôi dễ bị mất tập trung hoặc quên nội dung ngay sau khi nghe.	8 12,5	6 9,38	10 15,63	18 28,13	22 34,38	64 100



Biểu đồ 1. Tỷ lệ ý kiến của học viên về khả năng nghe hiểu trong lớp học tiếng Việt

Nhận xét:

Đa số học viên Lào - Campuchia gặp nhiều khó khăn trong quá trình nghe hiểu ngay trong lớp học tiếng Việt, thể hiện rõ ở các yếu tố ngữ âm, điều kiện học tập và năng lực xử lý thông tin khi nghe. Cụ thể, 75,01% học viên đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng sự khác biệt về ngữ âm giữa tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt khiến họ khó theo kịp nội dung bài nghe. Kết quả này phản ánh tác động rõ rệt của hệ thống thanh điệu và nhịp điệu tiếng Việt đối với người học đến từ các ngôn ngữ không có thanh điệu, phù hợp với mô hình xử lý nghe của Field (2008), trong đó hạn chế ở tầng xử lý âm thanh ảnh hưởng trực tiếp đến việc kiến tạo nghĩa.

Bên cạnh đó, 76,56% học viên cho rằng thời lượng học nghe trong chương trình chưa đủ để cải thiện khả năng nghe hiểu. Điều này cho thấy yếu tố bối cảnh học tập và điều kiện tổ chức dạy học, một thành tố quan trọng trong khung lý thuyết của Rubin (1994) và Yagang (1994) đang ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả rèn luyện kỹ năng nghe. Khó khăn liên quan đến vốn từ vựng và kiến thức nền cũng được ghi nhận ở mức cao, với 78,13% học viên cho rằng đây là nguyên nhân khiến họ khó hiểu nội dung bài nghe. Khi thiếu kiến thức nền hỗ trợ xử lý “từ trên xuống”, người học phải tập trung quá mức vào việc giải mã tín hiệu ngôn ngữ, làm giảm khả năng theo dõi nội dung tổng thể, đặc biệt với các bài nghe mang tính học thuật hoặc chuyên môn. Ngoài ra, 62,51% học viên cho biết họ dễ mất tập trung hoặc nhanh quên nội dung sau khi nghe.

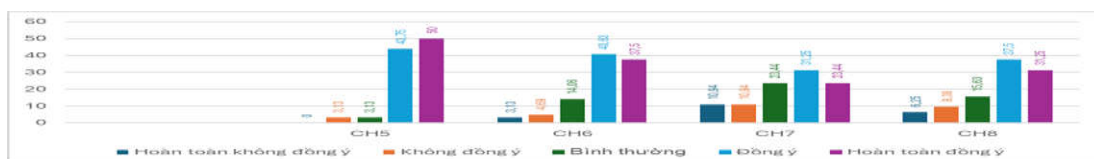
Kết quả này cho thấy hạn chế về chiến lược nghe và năng lực siêu nhận thức, phù hợp với tiếp cận của Vandergrift và Goh (2012), theo đó người học chưa hình thành được khả năng tự giám sát và điều chỉnh quá trình nghe.

3.1.2. Thực trạng khả năng nghe hiểu của học viên trong học tập các môn học khác và giao tiếp hằng ngày tại Học viện.

Ngoài lớp học tiếng Việt, học viên Lào - Campuchia còn phải sử dụng tiếng Việt để tiếp thu bài giảng các môn học chuyên môn và tham gia giao tiếp hằng ngày tại Học viện. Nội dung khảo sát ở nhóm này tập trung làm rõ những khó khăn của học viên khi nghe bài giảng chuyên ngành, tham gia trao đổi, thảo luận trong các lớp học đông và nhiều tiếng ồn, cũng như khi giao tiếp với giảng viên và học viên Việt Nam. Kết quả khảo sát được trình bày trong Bảng 2 và Biểu đồ 2.

Bảng 2. *Thực trạng khả năng nghe hiểu của học viên trong học tập các môn học khác và giao tiếp hằng ngày tại Học viện (n=64)*

Nội dung câu hỏi	Ý kiến của HV					
	Hoàn toàn không đồng ý HV (%)	Không đồng ý HV (%)	Bình thường HV (%)	Đồng ý HV (%)	Hoàn toàn đồng ý HV (%)	Tổng HV (%)
5. Tôi khó theo dõi và hiểu bài giảng của các môn khác khi giảng viên nói nhanh hoặc dùng nhiều thuật ngữ chuyên môn.	0 0	2 3,13	2 3,13	28 43,75	32 50	64 100
6. Tôi gặp khó khăn khi nghe hiểu nội dung trao đổi, thảo luận trong các giờ học của các môn khác, đặc biệt trong các lớp học đông và có nhiều tiếng ồn.	2 3,13	3 4,69	9 14,06	26 40,63	24 37,5	64 100
7. Tôi thường ngại hỏi lại giảng viên và học viên Việt Nam khi không nghe rõ hoặc không hiểu nội dung bài giảng.	7 10,94	7 10,94	15 23,44	20 31,25	15 23,44	64 100
8. Tôi gặp khó khăn khi nghe hiểu trong giao tiếp hằng ngày tại Học viện do tốc độ nói nhanh, cách diễn đạt hoặc sự khác biệt giọng nói của người Việt.	4 6,25	6 9,38	10 15,63	24 37,5	20 31,25	64 100



Biểu đồ 2. *Tỉ lệ ý kiến của học viên về khả năng nghe hiểu tiếng Việt trong học tập các môn học khác và giao tiếp tại Học viện*

Nhận xét:

Khả năng nghe hiểu tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia gặp nhiều khó khăn hơn khi chuyển từ bối cảnh lớp học tiếng Việt sang học tập các môn chuyên môn và giao tiếp hàng ngày tại Học viện. Cụ thể, 93,75% học viên đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng họ khó theo dõi và hiểu bài giảng các môn học khác khi giảng viên nói nhanh hoặc sử dụng nhiều thuật ngữ chuyên môn. Kết quả này cho thấy khi đầu vào nghe có mật độ thuật ngữ cao và tốc độ nói nhanh, năng lực xử lý “từ dưới lên” của người học bị quá tải, làm gián đoạn quá trình kiến tạo nghĩa tổng thể theo mô hình nghe hiểu của Field (2008). Bên cạnh đó, 78,13% học viên cho rằng việc nghe hiểu nội dung trao đổi và thảo luận trong các lớp học đồng, nhiều tiếng ồn là một trở ngại lớn. Điều này phản ánh rõ tác động của yếu tố bối cảnh thực hiện nhiệm vụ, một thành tố quan trọng trong khung lý thuyết của Rubin (1994) và Yagang (1994), đối với hiệu quả nghe hiểu trong môi trường đào tạo quân y.

Đáng chú ý, 54,69% học viên thừa nhận họ thường ngại hỏi lại giảng viên hoặc học viên Việt Nam khi không nghe rõ hoặc không hiểu nội dung. Tâm lý này cho thấy hạn chế trong khả năng giám sát và điều chỉnh quá trình nghe, liên quan trực tiếp đến năng lực siêu nhận thức theo tiếp cận của Vandergrift và Goh (2012). Ngoài môi trường lớp học, 68,75% học viên gặp khó khăn khi nghe hiểu trong giao tiếp hàng ngày tại Học viện do tốc độ nói nhanh, cách diễn đạt đa dạng và sự khác biệt về giọng nói của người Việt.

Kết quả này cho thấy năng lực nghe hiểu của học viên chưa đáp ứng tốt yêu cầu giao tiếp tự nhiên, nơi ngôn ngữ không được điều chỉnh theo mục đích sư phạm và đòi hỏi khả năng xử lý linh hoạt trong thời gian thực.

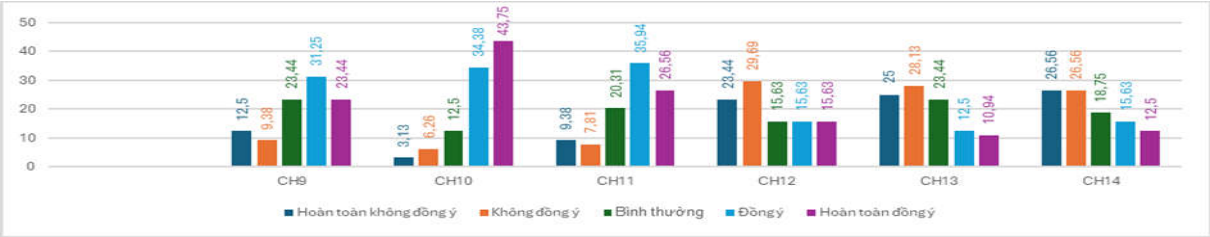
3.1.3. Chiến lược và thói quen nghe hiểu tiếng Việt của học viên

Chiến lược và thói quen nghe đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ học viên cải thiện khả năng nghe hiểu tiếng Việt, đặc biệt trong bối cảnh học tập đa dạng tại Học viện Quân y. Nội dung khảo sát ở tiểu mục này tập trung làm rõ mức độ sử dụng các chiến lược nghe phổ biến như ghi chú, đoán nghĩa theo ngữ cảnh, nghe lặp lại, luyện nghe ngoài lớp học, lựa chọn nguồn nghe và điều chỉnh cách nghe theo yêu cầu của từng môn học. Kết quả khảo sát được thể hiện trong Bảng 3 và Biểu đồ 3.

Bảng 3. Chiến lược và thói quen nghe hiểu tiếng Việt của học viên (n=64)

Nội dung câu hỏi	Ý kiến của HV					
	Hoàn toàn không đồng ý HV (%)	Không đồng ý HV (%)	Bình thường HV (%)	Đồng ý HV (%)	Hoàn toàn đồng ý HV (%)	Tổng HV (%)
9. Tôi thường ghi chú từ khóa hoặc ý chính trong khi nghe.	8 12,5	6 9,38	15 23,44	20 31,25	15 23,44	64 100
10. Tôi cố gắng đoán nghĩa dựa vào ngữ cảnh thay vì cố hiểu từng từ.	2 3,13	4 6,25	8 12,5	22 34,38	28 43,75	64 100
11. Tôi thường nghe lại nhiều lần để hiểu nội dung.	6 9,38	5 7,81	13 20,31	23 35,94	17 26,56	64 100
12. Tôi chủ động dành thời gian luyện nghe tiếng Việt ngoài lớp học (xem video, nghe nhạc, podcast, giao tiếp với người Việt...)	15 23,44	19 29,69	10 15,63	10 15,63	10 15,63	64 100
13. Tôi biết chọn nguồn nghe phù hợp (bài giảng, video, podcast, tình huống thực tế) để hỗ trợ việc học tiếng Việt và các môn học khác.	16 25	18 28,13	15 23,44	8 12,5	7 10,94	64 100
14. Tôi biết điều chỉnh cách nghe (nghe ý chính, nghe chi tiết, ghi chú, đoán	17 26,56	17 26,56	12 18,75	10 15,63	8 12,5	64 100

nghĩa...) để phù hợp với yêu cầu của từng loại bài nghe và từng môn học.					
--	--	--	--	--	--



Biểu đồ 3. *Tỉ lệ ý kiến của học viên về việc sử dụng các chiến lược và thói quen nghe hiểu tiếng Việt*

Nhận xét:

Học viên Lào - Campuchia đã sử dụng một số chiến lược nghe cơ bản, tuy nhiên mức độ sử dụng còn chưa đồng đều và các chiến lược mang tính tự điều chỉnh được vận dụng ở mức thấp. Trong số các chiến lược được khảo sát, đoán nghĩa dựa vào ngữ cảnh là chiến lược được sử dụng phổ biến nhất, với 78,13% học viên đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý. Kết quả này cho thấy người học đã bước đầu vận dụng xử lí “từ trên xuống”, dựa vào ngữ cảnh và kiến thức nền để hỗ trợ hiểu nội dung nghe, phù hợp với mô hình nghe hiểu tương tác của Field (2008).

Bên cạnh đó, 62,5% học viên cho biết họ thường nghe lại nhiều lần để hiểu nội dung, phản ánh xu hướng sử dụng các chiến lược bù đắp nhằm khắc phục hạn chế về năng lực nghe. Ngược lại, các chiến lược mang tính chủ động và siêu nhận thức lại được sử dụng ở mức thấp. Chỉ 31,26% học viên thường xuyên ghi chú từ khóa hoặc ý chính trong khi nghe và tỉ lệ học viên chủ động luyện nghe tiếng Việt ngoài lớp học cũng chỉ đạt 31,26%, trong khi 53,13% cho biết họ ít hoặc không luyện nghe ngoài giờ. Đặc biệt, các chiến lược ở mức cao hơn như lựa chọn nguồn nghe phù hợp và điều chỉnh cách nghe theo yêu cầu của từng môn học có tỉ lệ đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý lần lượt chỉ là 23,44% và 28,13%.

Những kết quả này cho thấy học viên chưa hình thành đầy đủ các kĩ năng lập kế hoạch, giám sát và điều chỉnh quá trình nghe, những thành tố cốt lõi của năng lực siêu nhận thức theo khung lí thuyết của Vandergrift và Goh (2012). Sự hạn chế trong việc sử dụng các chiến lược nghe mang tính tự chủ góp phần lí giải vì sao học viên gặp khó khăn kéo dài trong việc nghe hiểu tiếng Việt, đặc biệt trong các bối cảnh học tập chuyên môn và giao tiếp thực tế tại Học viện Quân y.

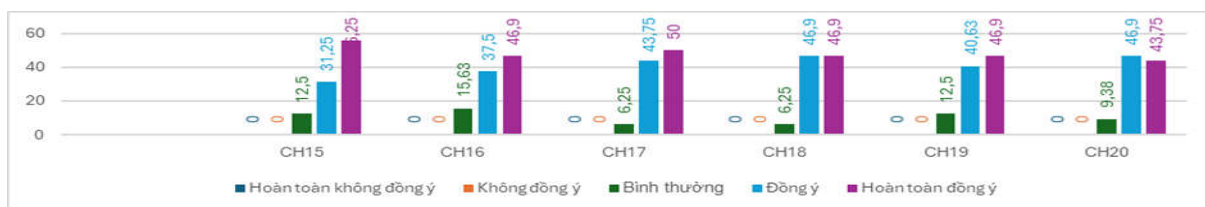
3.1.4. *Nhu cầu và mong muốn hỗ trợ của học viên nhằm cải thiện khả năng nghe hiểu tiếng Việt*

Nội dung khảo sát ở tiểu mục này nhằm xác định mức độ nhu cầu và mong muốn hỗ trợ của học viên trong việc cải thiện khả năng nghe hiểu tiếng Việt, bao gồm học liệu, thời lượng học, nội dung chuyên ngành, hướng dẫn chiến lược và các hoạt động nghe gắn với bối cảnh thực tiễn tại Học viện Quân y. Kết quả khảo sát được trình bày trong Bảng 4 và Biểu đồ 4.

Bảng 4. *Nhu cầu và mong muốn hỗ trợ của học viên (n=64)*

Nội dung câu hỏi	Ý kiến của HV					
	Hoàn toàn không đồng ý HV (%)	Không đồng ý HV (%)	Bình thường HV (%)	Đồng ý HV (%)	Hoàn toàn đồng ý HV (%)	Tổng HV (%)
15. Tôi muốn có danh mục bài nghe được phân theo mức độ (dễ - trung bình- khó) và phù hợp với trình độ của tôi.	0	0	8	20	36	64
	0	0	12,5	31,25	56,25	100
16. Tôi muốn có thêm tài liệu nghe đa dạng hơn (video, podcast, tình huống thực tế)	0	0	10	24	30	64
	0	0	15,63	37,5	46,9	100
17. Tôi muốn có thêm bài nghe liên quan đến chuyên ngành Y - Dược.	0	0	4	28	32	64
	0	0	6,25	43,75	50	100

18. Tôi muốn tăng thời lượng học nghe trong chương trình đào tạo.	0	0	4	30	30	64
	0	0	6,25	46,9	46,9	100
19. Tôi muốn được hướng dẫn cụ thể cách tự luyện nghe hiệu quả.	0	0	8	26	30	64
	0	0	12,5	40,63	46,9	100
20. Tôi muốn có nhiều hoạt động nghe gần với các tình huống giao tiếp thực tế trong học tập và sinh hoạt tại Học viện.	0	0	6	30	28	64
	0	0	9,38	46,9	43,75	100



Biểu đồ 4. Tỉ lệ ý kiến của học viên về nhu cầu và mong muốn hỗ trợ nhằm cải thiện khả năng nghe hiểu tiếng Việt

Nhận xét:

Kết quả khảo sát ở Bảng 4 và Biểu đồ 4 cho thấy, học viên Lào - Campuchia có mức độ đồng thuận rất cao đối với tất cả các hình thức hỗ trợ được đề xuất, phản ánh rõ nhu cầu được hỗ trợ có hệ thống trong việc cải thiện khả năng nghe hiểu tiếng Việt. Trước hết, 87,5% học viên mong muốn có danh mục bài nghe được phân theo mức độ phù hợp với trình độ, cho thấy người học cần một lộ trình luyện nghe rõ ràng và có tính phân hóa. Nhu cầu về tài liệu nghe đa dạng như video, podcast và tình huống thực tế cũng được ghi nhận ở mức cao (84,4%), phản ánh mong muốn được tiếp cận tiếng Việt trong các ngữ cảnh giao tiếp tự nhiên thay vì chỉ giới hạn trong các bài nghe mang tính sư phạm. Đáng chú ý, 93,75% học viên bày tỏ mong muốn có bài nghe liên quan đến chuyên ngành Y - Dược và cùng tỉ lệ này cho rằng cần tăng thời lượng học nghe trong chương trình đào tạo. Kết quả này cho thấy khoảng cách rõ rệt giữa năng lực nghe hiện tại của học viên và yêu cầu tiếp nhận nội dung chuyên môn trong môi trường đào tạo quân y, đồng thời nhấn mạnh vai trò của yếu tố đầu vào nghe và bối cảnh học tập theo khung lí thuyết của Rubin (1994) và Yagang (1994).

Bên cạnh đó, 87,53% học viên mong muốn được hướng dẫn cụ thể cách tự luyện nghe hiệu quả và 90,65% đề xuất tăng cường các hoạt động nghe gần với tình huống giao tiếp thực tế tại Học viện. Những kết quả này cho thấy người học đã nhận thức rõ hạn chế của bản thân trong việc sử dụng chiến lược và tự điều chỉnh quá trình nghe, phù hợp với tiếp cận về vai trò của năng lực siêu nhận thức trong nghe hiểu của Vandergrift và Goh (2012).

Những kết quả này cho thấy học viên Lào - Campuchia không chỉ ý thức rõ tầm quan trọng của kĩ năng nghe hiểu tiếng Việt đối với quá trình học tập và sinh hoạt tại Học viện Quân y, mà còn có nhu cầu được hỗ trợ một cách toàn diện, có hệ thống và phù hợp với bối cảnh đào tạo đặc thù.

3.2. Kết quả khảo sát định tính: phỏng vấn học viên

Nhằm bổ sung và làm rõ các kết quả khảo sát định lượng, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc 10 học viên Lào - Campuchia được lựa chọn từ danh sách khảo sát định lượng. Nội dung phỏng vấn tập trung vào ba vấn đề chính: (i) cách học viên ứng phó khi nghe tiếng Việt ngoài lớp học; (ii) những trải nghiệm nghe hiểu thành công và các yếu tố hỗ trợ; (iii) những khó khăn đặc thù khi nghe hiểu trong các môn học chuyên môn so với lớp học tiếng Việt.

Thứ nhất, về cách học viên ứng phó khi gặp tình huống nghe tiếng Việt ngoài lớp học. Kết quả phỏng vấn cho thấy đa số học viên chưa hình thành chiến lược nghe rõ ràng và có hệ thống. Khi không hiểu nội dung, học viên chủ yếu cố gắng nghe lại, đoán nghĩa dựa trên một số từ quen thuộc hoặc quan sát cử chỉ, hành động của người nói. Một học viên chia sẻ: “*Khi không hiểu, em cố gắng nghe lại từ quen, nếu vẫn không hiểu thì em nhìn xem người ta làm gì để đoán ý*” (HV3). Một số học viên thừa nhận họ ngại hỏi lại, đặc biệt khi giao tiếp với giảng viên hoặc học viên Việt Nam, do lo ngại làm gián

đoạn hoặc gây phiền hà: “*Em ngại hỏi lại vì sợ làm phiền nên thường im lặng*” (HV5). Chỉ một số ít học viên cho biết họ chủ động yêu cầu người nói nói chậm lại hoặc nhờ bạn bè giải thích. Điều này cho thấy khả năng sử dụng các chiến lược sửa chữa và điều chỉnh trong nghe hiểu của học viên còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh giao tiếp thực tế.

Thứ hai, khi đề cập đến những trải nghiệm nghe hiểu thành công và các yếu tố hỗ trợ, hầu hết học viên cho rằng họ nghe hiểu tốt hơn khi nội dung quen thuộc, có ngữ cảnh rõ ràng và được chuẩn bị trước. Nhiều học viên nhấn mạnh vai trò của việc giới thiệu từ vựng, chủ đề trước khi nghe, cũng như việc sử dụng hình ảnh minh họa hoặc hoạt động dẫn nhập. HV2 cho biết: “*Khi giáo viên cho biết trước chủ đề và từ mới, em nghe dễ hiểu hơn*”. Một học viên khác chia sẻ: “*Khi bài nghe có hình ảnh và hoạt động trước khi nghe, em hiểu tốt hơn*” (HV6). Ngoài ra, việc nghe lại nhiều lần và trao đổi với bạn bè sau khi nghe cũng được xem là những yếu tố giúp cải thiện khả năng nghe hiểu. Những kết quả này cho thấy vai trò quan trọng của kiến thức nền, ngữ cảnh và hoạt động trước khi nghe trong việc hỗ trợ quá trình tiếp nhận thông tin nghe.

Thứ ba, về khó khăn khi nghe hiểu các môn học chuyên môn so với lớp học tiếng Việt, kết quả phỏng vấn cho thấy hầu hết học viên đều nhận định rằng nghe hiểu trong các môn học chuyên ngành khó hơn đáng kể. Các khó khăn chủ yếu bao gồm tốc độ nói nhanh của giảng viên, mật độ thuật ngữ chuyên môn cao và điều kiện lớp học đông, nhiều tiếng ồn. HV1 cho biết: “*Trong lớp chuyên ngành, giảng viên nói rất nhanh và dùng nhiều từ chuyên môn, em thấy khó hơn nhiều so với lớp tiếng Việt*”. Một học viên khác chia sẻ: “*Lớp chuyên ngành đông, có nhiều tiếng ồn nên em khó nghe hơn so với lớp tiếng Việt*” (HV4). Bên cạnh đó, Nhiều học viên cho biết họ cảm thấy an tâm hơn trong lớp học tiếng Việt do giảng viên nói chậm, giải thích kỹ và cho phép hỏi lại, trong khi ở các môn học khác, tâm lý e ngại phát biểu khiến họ khó theo kịp nội dung bài giảng.

Kết quả phỏng vấn học viên cho thấy, mặc dù học viên đã có một số cách ứng phó khi nghe tiếng Việt trong các tình huống thực tế, song việc sử dụng chiến lược nghe còn mang tính tự phát và thiếu hiệu quả. Những trải nghiệm nghe hiểu thành công chủ yếu gắn với nội dung quen thuộc, có sự chuẩn bị và hỗ trợ về ngữ cảnh. Đặc biệt, bối cảnh học tập chuyên môn tại Học viện Quân y đặt ra yêu cầu cao hơn đối với năng lực nghe hiểu tiếng Việt, góp phần lý giải những khó khăn mà học viên Lào - Campuchia đang gặp phải.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng nghe hiểu tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia tại Học viện Quân y còn gặp nhiều khó khăn và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu học tập trong môi trường đào tạo quân y. Dữ liệu khảo sát định lượng chỉ ra rằng các trở ngại chủ yếu xuất phát từ sự khác biệt về ngữ âm giữa tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ, hạn chế về vốn từ và kiến thức nền, cũng như thời lượng rèn luyện kỹ năng nghe trong chương trình đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu thực tế của người học. Những khó khăn này thể hiện rõ hơn khi học viên phải nghe hiểu bài giảng các môn học chuyên môn và tham gia giao tiếp hằng ngày tại Học viện.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cho thấy việc sử dụng chiến lược nghe của học viên còn mang tính rời rạc và thiếu chủ động. Các chiến lược mang tính bù đắp như nghe lại nhiều lần hoặc đoán nghĩa theo ngữ cảnh được sử dụng tương đối phổ biến, trong khi các chiến lược ở mức độ cao hơn, đặc biệt là các chiến lược siêu nhận thức như lập kế hoạch, giám sát và đánh giá quá trình nghe, chưa được vận dụng hiệu quả. Điều này hạn chế khả năng tự điều chỉnh và cải thiện năng lực nghe hiểu của học viên trong các bối cảnh học tập khác nhau.

Kết quả phỏng vấn định tính đã bổ sung và làm rõ các số liệu khảo sát, cho thấy học viên gặp những khó khăn đặc thù khi nghe hiểu trong các lớp học đông, có nhiều thuật ngữ chuyên ngành và tốc độ giảng bài nhanh. Sự khác biệt rõ rệt giữa lớp học tiếng Việt và các lớp học chuyên môn cho thấy khả năng nghe hiểu của học viên chưa đủ vững để chuyển tiếp hiệu quả giữa các bối cảnh sử dụng tiếng Việt trong môi trường đào tạo quân y.

Nhìn chung, khả năng nghe hiểu tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia chịu tác động đồng thời của các yếu tố thuộc người học, đặc điểm đầu vào ngôn ngữ và bối cảnh đào tạo quân y. Những kết quả

của nghiên cứu góp phần làm rõ thực trạng nghe hiểu tiếng Việt trong một bối cảnh đào tạo đặc thù, đồng thời cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các giải pháp sư phạm nhằm hỗ trợ học viên cải thiện khả năng nghe hiểu, đáp ứng yêu cầu học tập và giao tiếp tại Học viện Quân y.

Đề tài được thực hiện dưới sự tài trợ của Quỹ Phát triển nghiên cứu cơ sở của Học viện Quân y năm 2026. Số Quyết định 1058/QĐ-HVQY ngày 26/3/2026.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đinh Khắc Định, Trương Thị Thanh Hoài (2022), “Đánh giá kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên Trường Cao đẳng Nghề Bách khoa”. Tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống*, 4(324), tr.72-77.
2. Nguyễn Hoàng Phương, Trần Trọng Nghĩa (2022), *Dạy nghe hiểu tiếng Việt theo quan điểm tương tác. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế Việt Nam học lần 6 - 2022*. Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Thanh Thủy (2017), *Dạy kỹ năng nghe*. Trong *Nghiên cứu giảng dạy Việt Nam học và Tiếng Việt*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.590-599.
4. Đào Văn Yên, Ngô Thị Thanh Huyền, Mai Thị Thu Thảo (2024), *Thực trạng học kỹ năng nghe của sinh viên năm nhất chuyên ngành Tiếng Anh tại Trường Đại học Hùng Vương*. Tạp chí *Thiết bị Giáo dục: Nghiên cứu ứng dụng*, 1(322), 119-123.

Tiếng Anh

5. Phương Thị Hệ, Nguyễn Văn Tuấn (2025), “Factors influencing the learning of listening comprehension skills by language-major students at Ho Chi Minh City Industry and Trade College”. Tạp chí *Khoa học Giáo dục Kỹ thuật*, Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.
6. Huỳnh Mong Nghi, Trần Tuấn Kiệt, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Minh Tâm (2023), “A study on the Vietnamese listening teaching using the drama “Sticky Rice and Plain Rice”. *International Journal of Social Science and Human Research*, 6(10), 6222-6229.
7. Field, J. (2008), *Listening in the language classroom*. Cambridge: Cambridge University Press.
8. Rubin, J. (1994), *A view of second language listening comprehension research*. The Modern Language Journal, 78(2), 199-217.
9. Vandergrift, L., & Goh, C. (2012), *Teaching and learning second language listening: Metacognition in action*. New York: Routledge.
10. Yagang, F. (1994), *Listening: Problems and solutions*. English Teaching Forum, 3(1), 22-30.

The current state of Vietnamese listening comprehension among Lao-Cambodian students at the Vietnam Military Medical University: a survey study

Abstract: This study surveyed 64 Lao-Cambodian students enrolled in the long-term medical programs (DHY58 and DHY59) at the Vietnam Military Medical University to describe the current state of their Vietnamese listening comprehension. The findings indicate that listening comprehension is simultaneously influenced by learner-related factors, characteristics of listening input, and the military medical training context. Difficulties increase markedly when students are required to comprehend specialized academic content and engage in real-life communication. Limitations in listening strategies and metacognitive ability prevent many students from effectively monitoring and regulating their listening processes. In addition, the students express a strong need for graded listening materials, discipline-specific content, and explicit instruction in appropriate listening strategies.

Key words: Vietnamese listening comprehension; Lao-Cambodian students; Vietnam Military Medical University; Vietnamese as a foreign language; survey research.